

QUÁN TRIỆT TƯ TƯỞNG VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH VỀ VĂN HÓA LÀ MỘT MẶT TRẬN

LÊ NHƯ HOA

Tóm tắt

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn khẳng định: “Văn hoá là một mặt trận”. Tư tưởng ấy của Người là hiện thân những khát vọng của cả dân tộc ta trong việc khẳng định bản sắc của mình.

Trong suốt hơn nửa thế kỷ qua, theo tinh thần ấy, Đảng, Nhà nước ta đã có chính sách và những quyết sách liên quan đến việc xây dựng đời sống văn hoá mới, bảo tồn di sản văn hoá và luôn coi văn hoá vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế- xã hội. Và hiện nay, khi chúng ta bước vào thời kỳ hội nhập kinh tế và văn hoá quốc tế, hơn lúc nào hết, quan điểm này lại càng phát huy giá trị và tính chính xác của nó.

Có thể nói, tư tưởng “Văn hoá là một mặt trận” của Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn sẽ luôn toả sáng, trường tồn theo thời gian và luôn đồng hành cùng dân tộc.

Trong lúc cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ của dân tộc ta chống thực dân Pháp xâm lược bước vào giai đoạn quyết liệt, với tâm nhìn bao quát, sâu sắc và sáng suốt, lãnh tụ Hồ Chí Minh, trong thư gửi các họa sĩ nhân dịp triển lãm hội họa 1951, đã chỉ rõ: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”. Với quan điểm tiếp cận thực tiễn sâu sắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi văn hóa cách mạng phải là văn hóa hành động, văn hóa gắn liền với nhu cầu thực tiễn, giác ngộ quần chúng, hướng quần chúng vào ý thức tự giải phóng mình và giải phóng toàn dân tộc.

Khẳng định *văn hóa là một mặt trận* là khẳng định vai trò xung kích của văn hóa trong sứ mệnh giải phóng dân tộc, là khẳng định một lĩnh vực quan trọng không thể thiếu được, cùng các lĩnh vực quân sự, chính trị, kinh tế tạo thành những mặt trận trong cuộc kháng chiến toàn diện của dân tộc.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về *văn hóa là một mặt trận* không chỉ quán triệt trong suốt 30 năm kháng chiến chống thực dân, đế quốc xâm lược mà cả trong thời kỳ đất nước ta đổi mới, phát triển trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ngược dòng lịch sử, từ đầu những năm 40 của thế kỷ XX, khi cả dân tộc còn đang rên siết dưới ách đô hộ của thực dân Pháp và phát xít Nhật, Đề cương văn hóa năm 1943 ra đời đã định hướng và soi sáng cho con đường phát triển đúng đắn và tất thắng của văn hóa Việt Nam.

Trước ngày bùng nổ cuộc kháng chiến toàn quốc, tháng 11 năm 1946, trong diễn văn khai mạc hội nghị văn hóa toàn quốc lần thứ nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ nhiệm vụ của nền văn hóa mới là phải lấy hạnh phúc của đồng bào, lấy sự nghiệp đấu tranh của dân tộc làm nội dung phản ánh, đồng thời phải biết tiếp thu những kinh nghiệm quý báu của nền văn hóa xưa và nay để xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam với ba tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng.

Ngay từ những ngày đầu kháng chiến, Đảng ta đã vạch ra đường lối văn hóa kháng chiến, tạo điều kiện cho các trí thức, văn nghệ sĩ nhận được con đường đi đúng đắn theo hướng ánh sáng của văn hóa cách mạng. Trong tác phẩm *kháng chiến nhất định thắng lợi*, đồng chí Trường Chinh lúc này là Tổng Bí thư Đảng đã nêu rõ tầm quan trọng của văn hóa đối với công cuộc kháng chiến. Chương *Kháng chiến về mặt văn hóa* chẳng những mang ý nghĩa về đường lối, mà còn mang ý nghĩa lý luận cơ bản về văn hóa kháng chiến. Đồng chí Trường Chinh đã nêu rõ hai nhiệm vụ của công cuộc kháng chiến về mặt văn hóa: đánh đổ văn hóa ngu dân, văn hóa xâm lược của thực dân Pháp và xây dựng một nền văn hóa dân chủ mới cho nước Việt Nam. Đồng chí chỉ rõ: ảnh hưởng của văn hóa thực dân vẫn còn khá mạnh trong tập quán, trong tư tưởng của cán bộ và nhân dân ta và thực dân Pháp còn đứng chân trên đất nước ta ngày nào, còn mê hoặc nhân dân ta ngày ấy. Cho nên, lúc này các nhà văn nghệ, giáo dục, các anh chị em trí thức phải tham gia kháng chiến, mở một mặt trận văn hóa, tiến công vào dinh lũy văn hóa của địch. Mọi hoạt động văn hóa lúc này phải nhằm vào khẩu hiệu “yêu nước và căm thù giặc”. Văn hóa phục vụ kháng chiến cũng tức là đồng thời xây dựng nền văn hóa của nước ta. Và nền văn hóa đó phải dựa trên ba nguyên tắc: dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa.

Trong những ngày đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm tổ chức đời sống mới trong nhân dân, coi đó là vấn đề không thể thiếu trên mặt trận văn hóa.

Chủ tịch Hồ Chí Minh viết tác phẩm “*Đời sống mới*” dưới bút danh Tân Sinh, vào tháng 3 năm 1947, với mục đích “làm thế nào cho đời sống của dân ta vật chất được đầy đủ hơn, tinh thần được vui mạnh hơn... Nếu mọi người đều cố gắng làm đời sống mới, thì dân tộc nhất định sẽ phú cường(8).

Xây dựng đời sống mới là một chủ trương rất thiết thực của văn hóa Hồ Chí Minh. Trong tác phẩm *Đời sống mới*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có cái nhìn biện chứng, sâu sắc về việc xây dựng đời sống mới; nó không phủ nhận, bác bỏ hoàn toàn cái cũ và cũng không nhất thiết cái gì cũng làm mới. Cái mới không tự nhiên xuất hiện mà phải được kế thừa từ cái nền truyền thống; tiếp thu những truyền thống tốt đẹp của cha ông ta về đạo làm người để xây dựng đời sống mới. Theo Người, cái gì mà xấu thì nhất quyết phải bỏ; có những cái cũ tuy không xấu nhưng phiền phức thì phải sửa đổi cho hợp lý; còn cái gì cũ mà tốt thì phải phát triển thêm. Người cũng chỉ ra sự khó khăn, phức tạp khi xây dựng cái mới, khi phải đấu tranh với sức ỳ của cái xấu. Người cho rằng thói quen rất khó thay đổi. Cái tốt mà lạ người ta có thể cho là xấu, cái xấu mà quen người ta cho là thường. Khi những thói xấu đã trở thành nếp thì việc xóa bỏ nó không thể dễ dàng, ngay một lúc khó có thể làm được, mà phải kiên trì, thường xuyên xây dựng để tạo ra nếp sống mới.

Nội dung xây dựng đời sống mới mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập tới thật phong phú nhưng không xa lạ, vì đều bắt đầu từ muôn mặt của đời sống hàng ngày, có liên quan tới mối quan hệ giữa con người với con người trong xã hội.

“Đời sống mới bao gồm cả văn hóa đạo đức, văn hóa lối sống, văn hóa lao động, văn hóa gia đình, văn hóa phong hóa, văn hóa chính trị vv... Đó là những vấn đề của tất cả mọi người, từ người lãnh đạo cao nhất đến người dân bình thường; trong lao động, chiến đấu, học tập và sinh hoạt; trong gia đình, thôn xóm, nhà trường, công sở, xí nghiệp, đơn vị bộ đội vv... ở đây không chỉ là những vấn đề lớn, mà còn cả những vấn đề thường gặp trong đời sống hàng ngày như ăn, mặc, ở, đi lại, ma chay, cưới xin, vệ sinh, môi trường, bài trừ hủ tục và các tệ nạn xã hội v.v... Hồ Chí Minh coi thói quen lạc hậu cũng là một loại kẻ địch, giống như thực dân đế quốc, quan niệm này cũng chưa thấy ở bất cứ người nào khác”(9).

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta là cuộc đụng đầu lịch sử quyết liệt nhất giữa dân tộc ta và đế quốc xâm lược, hiếu chiến nhất, ngoan cố nhất, có tiềm lực kinh tế và quân sự hùng mạnh nhất. Cùng với cả dân tộc, trên mặt trận văn hóa, các văn nghệ sĩ – những chiến sĩ trên mặt trận ấy - lại phải đương đầu với thử thách lớn nhất. Suốt hai cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ, trong khói lửa, bom đạn ác liệt của chiến tranh, nền văn hóa Việt Nam vẫn không ngừng phát triển, và các chiến sĩ trên mặt trận văn hóa đã tỏ rõ tinh thần dũng cảm, kiên cường, sáng tạo. Báo cáo chính trị của Đại hội Đảng lần thứ IV đã khẳng định: “Với những thành tựu đạt được chủ yếu trong việc phản ánh hai cuộc chiến tranh vĩ đại của dân tộc, văn hóa, nghệ thuật nước ta xứng đáng vào hàng ngũ những nền văn học, nghệ thuật chống đế quốc trong thời đại ngày nay”.

Quán triệt tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh về *văn hóa là một mặt trận*, bước vào thời kỳ đổi mới, Đảng ta rất quan tâm đến xây dựng và phát triển văn hóa, coi xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, nhưng văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội.

Trong thời kỳ mới, trước sự phát triển của cách mạng, vấn đề *xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* trở thành yêu cầu cấp bách hơn bao giờ hết.

“*Nền văn hóa tiên tiến* là văn minh tinh thần ở trình độ cao, thể hiện những giá trị truyền thống của dân tộc hòa quyện làm một với những tinh hoa của thế giới hiện đại, phát triển trên cơ sở mặt bằng dân trí cao và một nền khoa học công nghệ đủ sức giải quyết các vấn đề của cuộc sống, đáp ứng những nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng tăng lên của quảng đại nhân dân”(1).

Khái niệm *tiên tiến* của nền văn hóa có nội hàm rộng lớn, bao quát, vừa mang ý nghĩa truyền thống, vừa mang ý nghĩa hiện đại. Nền văn hóa tiên tiến Việt Nam có những *đặc trưng* được cô đúc từ lịch sử mấy nghìn năm dựng nước, giữ nước và đấu tranh cách mạng của dân tộc ta kết hợp với tinh hoa của thời đại. Đó là: “yêu nước; tiến bộ (những gì là tiến bộ của dân tộc, của thời đại, của loài người); có nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nhân văn: tất cả vì con người ...; tiên tiến không chỉ trong nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện hiện đại để chuyển tải nội dung”(6).

Tính chất tiên tiến của nền văn hóa Việt Nam không tách rời *bản sắc dân tộc*.

Bản sắc văn hóa là cái cốt lõi, cái đặc thù, cái định hình làm nên tính riêng biệt, độc đáo của văn hóa mỗi dân tộc. Bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc được hình thành, bảo tồn và phát huy trong quá trình phát triển của lịch sử dân tộc mình. Cũng giống như bất kỳ hiện tượng tự nhiên và xã hội nào, bản sắc văn hóa của một dân tộc không ngừng vận động, phát triển, luôn tiếp thu bổ sung những yếu tố làm phong phú thêm bản sắc, đồng thời gạn lọc, loại bỏ những yếu tố lạc hậu, không thích hợp.

Trải qua mấy nghìn năm lịch sử, nền văn hóa nước ta luôn đứng trước thử thách quyết liệt. Các thế lực xâm lược luôn tìm mọi cách áp đặt vào Việt Nam văn hóa ngoại lai, âm mưu đồng hóa để dễ bề thống trị. Nhưng thật đáng tự hào, bản sắc văn hóa Việt Nam đã có sức bền vững, sức đề kháng đến kỳ diệu, làm thất bại mọi âm mưu đồng hóa của các thế lực thù địch. Trải qua những biến thiên của lịch sử, dân tộc ta đã tỏ rõ bản lĩnh văn hóa của mình, xứng đáng là một dân tộc có hơn bốn nghìn năm văn hiến. Bản sắc ấy tồn tại cho đến ngày nay và luôn tỏa sáng, trở thành nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam thời hiện đại.

Ngày nay, những cuộc “xâm lăng văn hóa” vẫn tiếp diễn mạnh hơn và tinh vi hơn. Khi kinh tế phát triển mang tính chất quốc tế hóa thì văn hóa ngoại lai, văn hóa phương Tây cũng tràn vào nước ta, đe dọa sự sống còn của bản sắc văn hóa dân tộc.

Trên thế giới trước đây đã từng có khuynh hướng cho rằng muốn hiện đại hóa đất nước cần vứt bỏ những gì mang tính chất quốc gia, dân tộc mình và phải mang nền văn minh của Tây Âu, tức là “Tây Âu hóa”. Song, thực tiễn đã chứng minh những nước có nền công nghiệp phát triển ở châu Á như Nhật Bản và một số nước khác vẫn giữ gìn được bản sắc văn hóa của dân tộc mình. Bản sắc văn hóa Việt Nam được hình thành từ mấy nghìn năm, tồn tại và phát triển đến ngày nay, vẫn thích hợp với thời hiện đại và trở thành cốt cách của dân tộc Việt Nam.

Ngày nay xu hướng quốc tế hóa sản xuất và đời sống ngày càng gia tăng, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa được đẩy mạnh, vấn đề bảo tồn và phát triển văn hóa dân tộc là yêu cầu cấp bách hơn bao giờ hết. Để mất văn hóa dân tộc hay làm cho bản sắc văn hóa dân tộc mờ nhạt, bị lai căng, pha tạp thì dân tộc không còn sức sống, thậm chí đất nước không còn tồn tại như một quốc gia độc lập nữa.

Tăng trưởng kinh tế luôn luôn là mục tiêu chiến lược của mọi quốc gia, nhưng chủ thể kinh tế lại là con người, mà thước đo trình độ con người lại là văn hóa. Vì vậy phát triển kinh tế phải đi đôi với phát triển văn hóa. Nếu phát triển kinh tế mà không chú ý tới phát triển văn hóa thì dễ dẫn đến tình trạng đánh mất bản sắc văn hóa của dân tộc mình.

Khi việc giao lưu hợp tác quốc tế mở rộng trên tất cả các lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực văn hóa thì bên cạnh sự hội nhập những tinh hoa văn hóa thế giới còn kéo theo nhiều sản phẩm văn hóa độc hại ảnh hưởng xấu đến truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc ta. Mặt khác, các thế lực thù địch tiến hành âm mưu diễn biến hòa bình, đặc biệt trên mặt trận văn hóa, tư tưởng, chống lại sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Bởi vậy, bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa Việt Nam trở thành một nhiệm vụ quan trọng và cấp bách, góp phần tạo ra thế đứng vững chắc của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Việc giao lưu văn hóa quốc tế là lẽ đương nhiên, không thể bảo vệ văn hóa dân tộc bằng cách đóng kín cửa mà ngược lại mở rộng giao lưu văn hóa quốc tế để chúng ta tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, bồi bổ cho bản sắc văn hóa Việt Nam. Điều

đáng bàn nhất hiện nay là tiếp thu cái gì và tiếp thu như thế nào. Nếu không nắm vững nguyên tắc và có bản lĩnh thì hoặc là ngăn cấm không cho tiếp thu, cản trở tiếp thu hoặc là tiếp thu một cách bừa bãi, trong đó có nhiều độc tố. Bảo vệ, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc và tiếp thu văn hóa nhân loại là hai mặt thống nhất của một vấn đề, trong đó phải lấy bản sắc văn hóa Việt Nam làm nền tảng, làm “bộ lọc” cho sự tiếp thu. Giữ vững được định hướng đó mới xây dựng được một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời hiện đại.

Để làm sáng tỏ bản sắc văn hóa Việt Nam thì việc tìm ra ranh giới giữa tinh hoa và các yếu tố lạc hậu trong văn hóa truyền thống là cần thiết. Tinh hoa văn hóa có tính bền vững, truyền từ đời này sang đời khác, sống mãi với một dân tộc. Nhưng cũng do hạn chế của từng thời kỳ lịch sử, văn hóa quá khứ cũng chứa đựng những yếu tố lạc hậu trở thành lực cản của sự phát triển văn hóa dân tộc. Có một điều cần nhận thấy: tinh hoa văn hóa dân tộc có sức bền vững thì mặt trái của văn hóa quá khứ cũng có sức bền vững của nó. Chúng ta không lấy gì làm ngạc nhiên khi buông lỏng quản lý văn hóa trong cơ chế thị trường thì mặt trái của cơ chế thị trường đã tạo điều kiện cho sự phát triển nhanh chóng những mặt trái của văn hóa quá khứ như các hủ tục, lệ làng, mê tín dị đoan, cách nhìn tiểu nông, lối sống lạc hậu... Những yếu tố tiêu cực ảnh hưởng không nhỏ tới việc xây dựng văn hóa khi bước vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vì đều nằm trong khuôn khổ của văn hóa quá khứ nên việc tìm ra ranh giới này không phải là đơn giản, dễ nhầm lẫn hoặc rơi vào tình trạng máy móc làm tổn hại đến văn hóa dân tộc. Song việc xác định ranh giới đó lại là cần thiết, nhằm góp phần làm sáng rõ bản sắc văn hóa Việt Nam.

Bản sắc văn hóa Việt Nam đang đứng trước nguy cơ và thách thức của nền kinh tế thị trường phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cơ chế thị trường như một đòn bẩy thúc đẩy sự phát triển xã hội, nhưng về mặt khách quan, kinh tế thị trường với sức mạnh tự phát của nó đã khuyến khích chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng chạy theo lợi ích vật chất mà coi nhẹ giá trị tinh thần, chỉ chú ý đến lợi ích cá nhân trước mắt, mà coi nhẹ lợi ích cộng đồng lâu dài. Sau hơn hai mươi năm đổi mới, đất nước đạt được những thành tựu to lớn, nhưng mặt trái của kinh tế thị trường đã gây ra cho chúng ta nhiều mối lo ngại. Công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước càng được đẩy mạnh, thì mặt trái của cơ chế thị trường càng có cơ hội phát triển. Trên lĩnh vực văn hóa văn nghệ, điều gây nên mối quan tâm, lo lắng của toàn xã hội là sự xuống cấp nghiêm trọng của đạo đức xã hội. Lối sống thực dụng chạy theo đồng tiền thực sự đã tàn phá truyền thống đạo đức tốt đẹp của người Việt Nam, hủy hoại mối quan hệ giữa con người với con người, giữa thành viên trong gia đình, xóm làng, ngõ phố..., tệ nạn xã hội và những hủ tục mê tín dị đoan phát triển, văn hóa phẩm độc hại, kích động bạo lực và tình dục lan tràn. Trong sáng tác và lý luận phê bình cũng phát sinh những khuynh hướng sai lầm, lệch lạc như phủ nhận quá khứ, phủ nhận những thành tựu cách mạng và văn hóa văn nghệ cách mạng, tách văn nghệ ra khỏi sự lãnh đạo của Đảng, thương mại hóa hoạt động văn hóa, văn nghệ...

Kinh tế và văn hóa tác động qua lại lẫn nhau nhằm thúc đẩy xã hội phát triển. Mục tiêu mà Đảng ta đề ra là “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”. Đó là mục tiêu kết hợp các nhân tố kinh tế, xã hội và văn hóa trong quá trình phát triển. Không thể xây dựng một xã hội văn minh với nền kinh tế lạc hậu, thấp kém và ngược lại có được một nền kinh tế phát triển nhưng thiếu văn minh thì không phải là một xã hội tiến bộ.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để kinh tế và văn hóa được phát triển hài hòa trong xã hội ta, để kinh tế không phá hoại văn hóa và văn hóa không cản trở kinh tế, làm thế nào để kinh tế thị trường và đời sống tinh thần, đạo đức xã hội không trở thành mâu thuẫn

Tư tưởng văn hóa Hồ Chí Minh về *văn hóa là một mặt trận* luôn tỏa sáng trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, vừa đáp ứng những đòi hỏi bức xúc của cuộc sống, vừa là định hướng chiến lược cơ bản cho sự nghiệp tăng cường nền tảng tinh thần của xã hội trên con đường phát triển xứng đáng với tầm vóc thời đại và bản lĩnh văn hóa của dân tộc Việt Nam./.

L.N.H

Tài liệu tham khảo

- 1- Nguyễn Đức Bình, *Ra sức phấn đấu vì một nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc*, Báo Nhân dân, 13/9/1996.
- 2- *Bốn mươi năm Đề cương văn hóa Việt Nam*, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1985.
- 3- Trường Chinh, *Chủ nghĩa Mác và Văn hóa Việt Nam*, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1974.
- 4- *Hồ Chí Minh – Anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
- 5- *Hồ Chí Minh toàn tập*, NXB Sự Thật, Hà Nội, 1987.
- 6- *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
- 7- *Văn kiện hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
8. *Đời sống mới*, Bộ Văn hoá – Thông tin và Vụ Văn hoá quần chúng tái bản, Hà Nội, 1985.
9. Đặng Xuân Kỳ, *Về tư tưởng văn hoá Hồ Chí Minh, nội dung của nền văn hoá mới*, Báo Nhân dân, 20/5/1998.